TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ A**	**CỘNG H7 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 591/2019/DSPT
Ngày: 25/6/2019
V/v Tranh chấp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H7 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức T.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn TM8 Q
2. Ông Uông Vz T1

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Đoàn Thục T2 – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố A

Đại diện Viện kiểm Sát nhân dân Thành phố A tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Vĩnh H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 và 25 tháng 6 9A 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố A xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/DSPT ngày 08 tháng 01 9A 2019, về việc "Tranh chấp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 651/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận AAA, Thành phố A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2544/2019/QĐPT ngày 04 tháng 6 9A 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị NC DD, sinh 9A 1967 (có mặt).

Địa chỉ: 177A BA, Phường X07, Quận Z05, Thành phố A.

Địa chỉ cư trú: 770A/3 HĐ, Phường X07, Quận Z05, Thành phố A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Vz HT, luật sư Công ty Luật C01, TTU ộc Đoàn luật sư Thành phố A (vắng mặt khi tuyên án).

Bị đơn: Bà Lê Ánh S01, sinh 9A 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: 14A/9 ND, Phường X09, Quận AAA, Thành phố A.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Trung TN, sinh 9A 1984 (có mặt).

Địa chỉ: 91 QQ, Phường X05, Quận AAA, Thành phố A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lâm Đức C91, sinh 9A 1969 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: 177A BA, Phường X07, Quận Z05, Thành phố A.

2. Ông Nguyễn Tấn T99, sinh 9A 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: 14A/9 ND, Phường X09, Quận AAA, Thành phố A.

Đại diện theo uỷ quyền của ông T99: Ông Nguyễn Trung TN, sinh 9A 1984 (có mặt).

Địa chỉ: 91 QQ, Phường X05, Quận AAA, Thành phố A.

Người kháng cáo: Bị đơn – bà Lê Ánh S01, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Tấn T99.

NỘI D7 VỤ ÁN:

Theo nội d7 khởi kiện và các Vz bản bổ sung nguyên đơn trình bày:

Bà S01 tham gia chơi hụi do bà DD làm chủ hụi trong nhiều 9A .Từ ngày 10/10/2012 âm lịch đến ngày 20/4/2014 âm lịch Bà S01 là hụi viên, tham gia tổng cộng là 15 dây hụi. Đến ngày 10/10/2013 âm lịch thì hai bên xác nhận từ 30/6/2013 âm lịch đến 10/10/2013 âm lịch thì bà S01 còn thiếu nợ bà DD ba tháng tiền hụi chưa đóng của 15 dây hụi với số tiền là 426.350.000 đồng. Từ ngày 10/10/2013 âm lịch đến ngày 20/4/2014 âm lịch bà S01 không thực hiện đóng các phần hụi đã hốt (hụi chết) cho bà DD cụ thể như sau:

1. Từ ngày 05/02/2013 âm lịch đến ngày 05/3/2014 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần phải đóng 10.000.000 đồng/tháng, bà S01 tham gia 5 phần.Thiếu 5 tháng là 250.000.000 đồng.

2. Từ ngày 05/02/2013 âm lịch đến ngày 05/3/2014 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 5.000.000 đồng/tháng, bà S01 tham gia 5 phần.Thiếu 5 tháng là 125.000.000 đồng.

3. Từ ngày 05/02/2013 âm lịch đến ngày 05/3/2014 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 2.000.000 đồng/tháng, bà S01 tham gia 5 phần.Thiếu 5 tháng là 50.000.000 đồng.

4. Từ ngày 10/10/2012 âm lịch đến ngày 10/11/2013 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 10.000.000 đồng/tháng, bà S01 tham gia 2 phần.Thiếu 1 tháng 20.000.000 đồng.

5. Từ ngày 10/10/2012 âm lịch đến ngày 10/11/2013 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 10.000.000 đồng/tháng, bà S01 tham gia 2 phần.Thiếu 1 tháng là 20.000.000 đồng.

6. Từ ngày 10/10/2012 âm lịch đến ngày 10/11/2013 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 5.000.000 đồng/tháng, bà S01 tham gia 2 phần.Thiếu 1 tháng là 10.000.000 đồng.

7. Từ ngày 20/3/2013 âm lịch đến ngày 20/4/2014 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 10.000.000 đồng/tháng, bà S01 tham gia 5 phần.Thiếu 7 tháng là 350.000.000 đồng.

8. Từ ngày 20/3/2013 âm lịch đến ngày 20/4/2014 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 10.000.000 đồng/tháng, bà S01 tham gia 5 phần. Thiếu 7 tháng là 350.000.000 đồng

9. Từ ngày 20/3/2013 âm lịch đến ngày 20/4/2014 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 5.000.000 đồng/tháng, bà S01 tham gia 5 phần. Thiếu 7 tháng là 175.000.000 đồng

10. Từ ngày 20/3/2013 âm lịch đến ngày 20/4/2014 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 2.000.000 đồng, bà S01 tham gia 5 phần. Thiếu 7 tháng là 70.000.000 đồng

11. Từ ngày 20/3/2013 âm lịch đến ngày 20/4/2014 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 2.000.000 đồng/tháng, bà S01 tham gia 5 phần. Thiếu 7 tháng là 70.000.000 đồng

12. Từ ngày 30/11/2012 âm lịch đến ngày 30/12/2013 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 5.000.000 đồng, bà S01 tham gia 5 phần. Thiếu 3 tháng là 75.000.000 đồng

13. Từ ngày 30/11/2012 âm lịch đến ngày 30/12/2013 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 5.000.000 đồng, bà S01 tham gia 5 phần. Thiếu 3 tháng là 75.000.000 đồng

14. Từ ngày 30/11/2012 âm lịch đến ngày 30/12/2013 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 2.000.000 đồng/tháng, bà S01 tham gia 5 phần. Thiếu 3 tháng 30.000.000 đồng

15. Từ ngày 30/11/2012 âm lịch đến ngày 30/12/2013 âm lịch dây hụi 14 phần mỗi phần 10.000.000 đồng/tháng, bà S01 tham gia 5 phần. Thiếu 3 tháng 150.000.000 đồng

Tổng số tiền 15 dây hụi bà S01 còn nợ tính từ ngày 10/10/2013 âm lịch đến khi các dây hụi kết thúc là 1.820.000.000 đồng.

Bà DD yêu cầu bà S01 và ông T99 trả số tiền còn nợ 2.246.350.000 đồng NG7 y khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Toà án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận AAA, thành phố A cho đến khi thi hành xong bản án.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S01 và ông T99 là ông Nguyễn Trung TN trình bày:

Bà S01 thừa nhận có chơi các dây hụi và đã hốt hết các phần hụi như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, phía bị đơn đã đóng tiền hết các phần hụi đã hốt (hụi chết), chỉ còn nợ bà DD số tiền là 426.350.000 đồng mà hai bên đã chốt nợ vào ngày 10/10/2013 âm lịch. Bà S01 và ông T99 chỉ đồng ý T7 toán cho bà DD 426.350.000 đồng.

Ông Lâm Đức C91 trình bày: Số tiền bà S01 nợ hụi bà DD là T99 sản chung của vợ cHDT trong thời kỳ hôn nhân nên ông yêu cầu ông T99 và bà S01 trả cho vợ cHDT ông số tiền 2.246.350.000 đồng NG7 y khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thống nhất như ý kiến trình bày của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 651/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận AAA đã tuyên như sau:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 9A 2015;
- Căn cứ vào các Điều 479 của Bộ luật dân sự 9A 2005;
- Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 9A 2015;
- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự 9A 2009 (đã sửa đổi, bổ sung 9A 2014);
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức TTU , miễn giảm, TTU , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị NC DD.

1.1. Buộc bà Lê Ánh S01 và ông Nguyễn Tấn T99 T7 toán cho bà Trần Thị NC DD và ông Lâm Đức C91 số tiền 2.246.350.000 (hai tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm 9A mươi ngàn) đồng NG7 y khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2 Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận AAA, thành phố A cho đến khi thi hành xong bản án.

1.3 Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2018/QĐ-BPBĐ ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận AAA thành phố A, bà Trần Thị NC DD được nhận lại toàn bộ số tiền trong thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 03862234 do Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 8 phát hành ngày 25/6/2018 NG7 y khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/12/2018, bị đơn – bà Lê Ánh S01 có đơn kháng cáo toàn bộ nội d7 bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ nội d7 vụ án.
Ngày 07/12/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Tấn T99 có đơn kháng cáo toàn bộ nội d7 bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ nội d7 vụ án.

Ngày 04/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận AAA ban hành Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm với nội d7 : "Tòa án chỉ căn cứ vào nội d7 trình bày của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bà S01.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa TTU ận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo – bà Lê Ánh S01 và ông Nguyễn Tấn T99 có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Trung TN trình bày:

Bà S01 thừa nhận có tham gia 15 dây hụi như bà DD trình bày. Bà S01 không thừa nhận sổ hụi do bà DD cung cấp, bà S01 cho rằng sổ hụi này là do bà DD tự lập, tự đánh dấu, không có chữ ký xác nhận của bà S01. Mặc khác, sổ hụi thể hiện người chơi hụi là "chị Sáu" trong khi đó bị đơn tên là Lê Ánh S01, tại Giấy xác nhận nợ hụi ngày 10/10/2013 bà DD ghi là "hụi chị Lê Ánh S01 không đóng". Do đó, người chơi hụi tên là "Chị Sáu" không phải là bà Lê Ánh S01.

Giấy xác nhận tiền nợ hụi ghi ngày 10/10 bị đơn thừa nhận giấy nhận nợ được lập ngày 10/10/2013 âm lịch, bà S01 thừa nhận đây là chữ ký của bà S01. Tại giấy xác nhận này bà S01 xác nhận nợ bà DD số tiền hụi là 426.350.000 đồng. Đây là số tiền chốt nợ hụi đối với 15 dây hụi mà bà S01 phải đóng tính từ ngày 30/6/2013 cho đến khi kết thúc tất cả 15 dây hụi.

Bà S01 thừa nhận sau ngày 10/10/2013, bà S01 chưa trả cho bà DD 426.350.000 đồng, bà S01 không đóng tiền hụi cho bà DD, không tiếp tục chơi hụi với bà DD.

Về quá trình chơi hụi, bà S01 đã chơi hụi với bà DD từ 9A 2010, khi chơi hụi bà DD (chủ hụi) lập sổ hụi gốc, sổ này do chủ hụi tự lập, tự đánh dấu các hụi viên không ký tên hay xác nhận tại sổ hụi này.

Bên cạnh đó, bà DD còn lập cho mỗi hụi viên một cuốn sổ hụi riêng theo dõi việc đóng hụi, hốt hụi của từng người, sổ này cũng do chủ hụi tự lập, tự đánh dấu, các hụi viên không ký tên xác nhận tại sổ hụi này, sổ hụi này bà DD giao cho bà S01 giữ.

Từ 9A 2010 - 2012 bà DD đã lập, giao cho bà S01 02 cuốn sổ hụi. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn nộp cho Tòa án sổ ghi các dây hụi từ 9A 2010 đến 9A 2012 (cuốn sổ có bìa màu xanh lá cây), bị đơn xác nhận tất cả các dây hụi trong sổ hụi này đều đã kết thúc, không chứa 15 dây hụi mà bà DD đang khởi kiện.

Đối với sổ hụi từ 9A 2012 – 2013, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bị đơn đã nộp bản photo 15

dây hụi mà nguyên đơn đang khởi kiện. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của bị đơn từ chối xuất trình bản chính để Tòa án đối chiếu.

Bị đơn chỉ đồng ý trả cho bà DD 426.350.000 đồng theo giấy ký xác nhận nợ hụi ngày 10/10/2013, do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn – bà Trần Thị NC DD và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về cách thức chơi hụi:

01 dây hụi có 14 phần, kéo dài 13 tháng sẻ đóng hụi. Mỗi phần hụi được hốt hụi một lần vào một ngày cố định trong tháng. Hốt hụi: Người bỏ hụi cao nhất sẽ được hốt, tiền bỏ hụi là tiền những phần hụi sống được trừ đi trước khi đóng hụi. Ví dụ hụi 10.000.000 đồng, người hốt hụi bỏ hụi 1.000.000 đồng, thì những hụi sống chỉ phải đóng 9.000.000 đồng cho lần mở hụi đó, những hụi sống vẫn phải đóng đủ 10.000.000 đồng. Người hốt hụi sẽ được hết tiền của 13 phần hụi còn lại (bao gồm cả hụi sống và hụi chết). Sau khi hốt hụi trở thành hụi chết, hụi chết phải đóng tiền hụi chết hàng tháng cho đến khi dây hụi kết thúc. Như vậy, dây hụi 14 phần thì đối với 01 phần hụi được hốt hụi 01 lần và phải đóng hụi 13 lần. Đối với dây hụi 10.000.000 đồng thì một lần hốt được tối đa là 130.000.000 đồng và phải đóng lại xấp xỉ 10.000.000 đồng mỗi tháng, đóng 13 tháng với tổng số tiền xấp xỉ 130.000.000 đồng. Với mục đích chơi hụi từ xưa đến nay là tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Về việc lập sổ hụi:

Chủ hụi lập sổ hụi gốc để theo dõi việc đóng hụi của tất cả các hụi viên, bao gồm các thông tin cơ bản về số tiền hụi, ngày mở hụi, ngày đóng hụi, danh sách các hụi viên, sổ này do chủ hụi tự lập, tự đánh dấu, tự theo dõi, các hụi viên không ký tên hay xác nhận vào sổ hụi gốc này.

Song song với đó, chủ hụi lập sổ hụi con cho từng mỗi hụi viên để theo dõi việc đóng hụi của từng hụi viên. Sổ này cũng do chủ hụi tự lập, tự đánh dấu các hụi viên không ký tên hay xác nhận vào sổ hụi này. Tuy nhiên, sổ hụi con này chủ hụi giao cho hụi viên giữ để đối chiếu với sổ hụi gốc của chủ hụi.

Trong quá trình bà S01 chơi hụi từ 9A 2010 -2013, bà DD đã lập, giao cho bà S01 02 sổ hụi. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giao nộp sổ hụi bản chính (cuốn sổ có bìa màu xanh lá cây), bà DD thừa nhận sổ hụi này là do nguyên đơn lập, giao cho bà S01 giữ. Tuy nhiên, sổ hụi này là sổ hụi cũ từ 9A 2010 đến 9A 2012, không bao gồm 15 dây hụi bà DD đang khởi kiện. Bà S01 còn đang giữ một sổ hụi mới từ 9A 2012 – 2013 có 15 dây hụi bà DD đang khởi kiện nHT1bà S01 không nộp cho Tòa án.

Đối với bản photo sổ hụi mà bà S01 cho rằng bà S01 photo từ sổ hụi mới (9A 2012- 2013) bà DD cho rằng đây không phải là 15 dây hụi bà DD đang

khởi kiện, bản photo này bà S01 không photo đầy đủ sổ hụi mà bà DD lập, giao cho bà S01 giữ, tại phiên tòa phúc thẩm bà S01 không cung cấp bản chính để bà DD đối chiếu, các bản photo này không đủ điều kiện để được xem là chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét các bản photo này.

Người làm chứng là những hụi viên tham gia 15 dây hụi mà nguyên đơn khởi kiện

Trước ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, những hụi viên tham gia 15 dây mà nguyên đơn khởi kiện có nộp cho Tòa án đơn trình bày ý kiến về những dây hụi mà bà Sáu (Lê Ánh S01) tham gia hụi, hốt hụi và nợ hụi. Cụ thể các ông, bà Trần HT Q12 có đơn trình bày đề ngày 15/5/2019; Sử Xương T0 có đơn trình bày đề ngày 15/5/2019; Lý Tuyết PP có đơn trình bày đề ngày 14/5/2019; Nguyễn Thị CN có đơn trình bày đề ngày 23/5/2019; Trần Lương HT1có đơn trình bày đề ngày 14/5/2019; Lâm Thị NC XT có đơn trình bày đề ngày 15/5/2019; Ngũ Thúy LN có đơn trình bày đề ngày 15/5/2019; Huỳnh XT THcó đơn trình bày đề ngày 14/5/2019; Trần Thị Ánh TTA có đơn trình bày đề ngày 14/5/2019; HT Thị TOA có đơn trình bày đề ngày 16/5/2019; Trần TKT có đơn trình bày đề ngày 22/5/2019; Lương Vĩ VV có đơn trình bày đề ngày 16/5/2019; Trần QS có đơn trình bày đề ngày 14/5/2019; Nguyễn Thị Kim PN có đơn trình bày đề ngày 17/5/2019; Sử Xương KS có đơn trình bày đề ngày 15/5/2019; Nguyễn HNV có đơn trình bày đề ngày 14/5/2019; Quan Cẩm YY có đơn trình bày đề ngày 14/5/2019; Dương Thị HDT có đơn trình bày đề ngày 16/5/2019; Lưu C91 có đơn trình bày đề ngày 14/5/2019; Phạm Thị TP có 02 đơn trình bày đề ngày 14/5/2019; Đỗ Thị HT có đơn trình bày đề ngày 14/5/2019; Trần Thị Mỹ DTM có đơn trình bày đề ngày 16/5/2019; Ngô Thị A01 có đơn trình bày đề ngày 16/5/2019; Nguyễn Thị LN có đơn trình bày đề ngày 14/5/2019; Võ Thị Bích PG có đơn trình bày đề ngày 17/5/2019; Huỳnh Thị T7 TTH có đơn trình bày đề ngày 14/5/2019; Lê Thị GT có đơn trình bày đề ngày 16/5/2019; Trần Thị NTL có đơn trình bày đề ngày 16/5/2019; Trần Nhân TTN1 có đơn trình bày đề ngày 20/5/2019; Nguyễn Thị LN có đơn trình bày đề ngày 23/5/2019; Lý Cẩm CLC có đơn trình bày đề ngày 15/5/2019; Nguyễn Thị Kim LNK có đơn trình bày đề ngày 17/5/2019; Lâm Thục MT có đơn trình bày đề ngày 15/5/2019 tất cả các đơn này đều đã được xác nhận chữ ký tại Ủy ban nhân dân Phường X07, Quận Z05, Thành phố A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố A phát biểu quan điểm vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

2. Về nội d7 kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà S01 trả số tiền hụi 1.820.000.000 đồng nGH nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào chứng TM8 việc bà S01 còn nợ số tiền hụi này, bà S01 không thừa nhận nội d7 này và hồ sơ cũng không có bất kỳ T99 liệu, chứng cứ nào của bà S01 xác nhận còn nợ hụi bà DD số tiền 1.820.000.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào nội d7 trình bày của nguyên đơn để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn T7 toán số tiền hụi là 2.246.350.000 đồng là không có căn cứ. Trong thời gian tạm ngừng phiên toà, nguyên đơn cung cấp thêm đơn trình bày của những người tham gia chơi hụi thì bà DD xác nhận đơn do bà và luật sư soạn sẵn rồi đưa cho họ ký, những người này cũng không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Toà án triệu tập tham gia vụ án. Như vậy, các T99 liệu này không có giá trị là chứng cứ vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận AAA, chấp nhận kháng cáo của bà Lê Ánh S01, ông Nguyễn Tấn T99, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc bà Lê Ánh S01 phải trả cho bà Trần Thị NC DD 426.350.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu T99 liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về tố tụng:

1.1. Đơn kháng cáo của bà Lê Ánh S01 và ông Nguyễn Tấn T99 làm trong hạn luật định và đã làm thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận AAA là đúng thẩm quyền và còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ, có cơ sở chấp nhận.

1.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lâm Đức C91 vắng mặt tại phiên toà TTU ộc trường hợp đã được tống đạt hợp lệ các Vz bản tố tụng để tham gia phiên toà, có đơn xin vắng mặt tại Tòa án nhân dân các cấp trong qua trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 9A 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này.

2. Về nội d7 :

Qua yêu cầu kháng cáo của bị đơn và lời trình bày của các đương sự, luật sư, đơn trình bày của các nhân chứng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Xác định pháp luật giải quyết vụ án

Bà DD khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà S01 phải thực hiện nghĩa vụ đóng tiền hụi đối với 15 dây hụi được lập vào 9A 2012, kết thúc vào 9A 2014. Tại thời điểm này, Nghị định số 144/2006/NĐ-CP về họ, hụi, biêu, phường do Chính phủ ban hành ngày 27/11/2006 đang có hiệu lực thi hành. Do đó Vz bản pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án này là Nghị định số 144/2006/NĐ-CP. Đối với những vấn đề chưa có điều luật để áp dụng Tòa án căn cứ vào tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, lẽ công bằng để giải quyết vụ án.

2.2. Xác định chứng cứ

Bà DD cung cấp sổ hụi để chứng TM8 cho yêu cầu khởi kiện của mình, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà DD xuất trình bản chính để Tòa án và phía bị đơn đối chiếu. Sổ hụi này được xem là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự 9A 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng là những hụi viên tham gia 15 dây hụi mà bà DD đang khởi kiện có cung cấp lời khai, lời trình bày về việc chơi hụi đã được chứng thực chữ ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Xét thấy, phía nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận những hụi viên này không có quan hệ họ hàng hay có mâu TTU ẫn gì với cả nguyên đơn và bị đơn. Do đó, lời khai của những người này được xem là chứng cứ theo quy định tại Khoản 5 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sổ hụi ghi các dây hụi từ 9A 2010 – 2012 bản chính do bà S01 cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm. Xét thấy, nguyên đơn thừa nhận sổ này do nguyên đơn lập và giao cho bà S01 giữ. Tất cả các đương sự đều thừa nhận các dây hụi trong sổ hụi này đều đã kết thúc từ 9A 2012, không bao gồm 15 dây hụi bà DD đang khởi kiện. Do đó, có cơ sở xác định đây là chứng cứ để tòa án xem xét các vấn đề liên quan đến quá trình chơi hụi giữa bà DD và bà S01, Tòa án không xem xét quyền, nghĩa vụ của các bên đối với các dây hụi này.

Đối với các bản photo 15 dây hụi do bị đơn cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng 15 bản photo này là không đúng, không đầy đủ, nguyên đơn không thừa nhận bản photo này. Bị đơn từ chối cung cấp bản chính để Tòa án đối chiếu. Do đó, các bản photo này không đủ điều kiện để được xem là chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

2.3. Về việc tham gia 15 dây hụi của bà S01

Bà DD trình bày bà S01 tham gia các dây hụi như sau:

03 dây hụi lập ngày 10/10/2012 âm lịch, đóng hụi vào ngày 10/11/2013 âm lịch, hốt hụi vào ngày 10 âm lịch hàng tháng: Dây hụi 10.000.000 đồng (dây 1) bà S01 tham gia 02 phần; dây hụi 10.000.000 đồng (dây 2) bà S01 tham gia 02 phần; dây 5.000.000 đồng bà S01 tham gia 02 phần.

04 dây hụi lập ngày 30/11/2012 âm lịch, đóng hụi vào ngày 30/12/2013 âm lịch, hốt hụi vào ngày 30 âm lịch hàng tháng (hoặc ngày 29 âm lịch đối với những tháng không có ngày 30): Dây hụi 10.000.000 đồng bà S01 tham gia 05 phần; Dây hụi 5.000.000 đồng (dây 1) bà S01 tham gia 05 phần; Dây hụi 5.000.000 đồng (dây 2) bà S01 tham gia 05 phần; Dây hụi 2.000.000 đồng bà S01 tham gia 05 phần.

03 dây hụi lập ngày 05/02/2013 âm lịch, đóng hụi vào ngày 05/3/2014 âm lịch, hốt hụi vào ngày 05 âm lịch hàng tháng: Dây hụi 10.000.000 đồng bà S01 tham gia 05 phần; Dây hụi 5.000.000 đồng bà S01 tham gia 05 phần; Dây hụi 2.000.000 đồng bà S01 tham gia 05 phần.

05 dây hụi lập ngày 20/3/2013 âm lịch, đóng hụi vào ngày 20/4/2014 âm lịch, hốt hụi vào ngày 20 âm lịch hàng tháng: Dây hụi 10.000.000 đồng (dây 1) bà S01 tham gia 05 phần; Dây hụi 10.000.000 đồng (dây 2) bà S01 tham gia 05 phần; Dây hụi 5.000.000 đồng bà S01 tham gia 05 phần; Dây hụi 2.000.000 đồng (dây 1) bà S01 tham gia 05 phần; Dây hụi 2.000.000 đồng (dây 2) bà S01 tham gia 05 phần.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bà S01 đều thừa nhận tham gia 15 dây hụi như bà DD trình bày nêu trên. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng TM8 theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 9A 2015.

2.4. Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng "bà Sáu" tại sổ hụi do bà DD cung cấp và bị đơn là hai người khác nhau.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bà Sáu và bà Lê Ánh S01 là hai người khác nhau, bà S01 không phải là bà Sáu tại sổ hụi do bà DD xuất trình, bị đơn không thừa nhận sổ hụi do bà DD xuất trình.

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn nộp sổ hụi (bìa màu xanh lá cây), bị đơn cho rằng đây là sổ hụi do bà DD lập, giao cho bà S01 giữ. Phía bà DD thừa nhận đây là sổ hụi do bà DD lập, giao cho bà S01. Tuy nhiên, những dây hụi này từ 9A 2010 đến 9A 2012 tất cả đều đã kết thúc, không bao gồm 15 dây hụi mà bà DD khởi kiện. Tại sổ hụi do bị đơn nộp thể hiện bà S01 đã tham gia rất nhiều dây hụi do bà DD làm chủ hụi từ 9A 2010 đến 9A 2012. Tất các dây hụi đều thể hiện người chơi hụi là "chị Sáu".

Tại Đơn trình bày của những hụi viên tham gia dây hụi cũng đều xác nhận bà Sáu chính là bà Lê Ánh S01.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định bà Sáu chính là bà Lê Ánh S01 như lời trình bày của nguyên đơn là đúng, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

2.5. Về việc lập sổ hụi và tập quán chơi hụi tại địa phương

Về việc lập sổ hụi: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận đã chơi hụi với bà DD từ 9A 2010 đến 9A 2013, bà S01 chơi rất nhiều dây hụi do bà DD lập. Bà S01 thừa nhận trong suốt quá trình chơi hụi, bà DD tự lập sổ hụi gốc, tự đánh dấu, bà S01 không ký xác nhận vào sổ hụi gốc này, bà DD chỉ giao cho bà S01 sổ hụi con, theo dõi việc đóng hụi, hốt hụi của bà S01, sổ này cũng do bà DD tự lập, tự đánh dấu, bà S01 cũng không ký hay xác nhận vào sổ hụi này. Về cách thức chơi hụi: 01 dây hụi có 14 phần, kéo dài 13 tháng sẻ đóng hụi. Mỗi phần hụi được hốt hụi một lần vào một ngày cố định trong tháng. Hốt hụi: Người bỏ hụi cao nhất sẽ được hốt, tiền bỏ hụi là tiền những phần hụi sống được trừ đi trước khi đóng hụi. Người hốt hụi sẽ được hết tiền của 13 phần hụi còn lại (bao gồm cả hụi sống và hụi chết). Sau khi hốt hụi trở thành hụi chết, hụi chết phải đóng tiền hụi chết hàng tháng cho đến khi dây hụi kết thúc. Như vậy, dây hụi 14 phần thì đối với 01 phần hụi được hốt hụi 01 lần và phải đóng hụi 13 lần.

Xét thấy, lời trình bày của bà DD về cách thức chơi hụi, lập sổ hụi gốc do bà DD tự giữ, các hụi viên không ký xác nhận vào sổ hụi gốc, bà tự lập sổ hụi con cho từng hụi viên và giao cho từng hụi viên giữ là phù hợp với xác nhận của những người làm chứng là những hụi viên cùng tham gia 15 dây hụi với bà S01. Điều này cũng phù hợp với tập quán chơi hụi của những người dân trên địa bàn thành phố A. Tuy nhiên, pháp luật không có điều luật quy định cụ thể về cách thức chơi hụi, hốt hụi, lập sổ hụi. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tập quán chơi hụi tại địa phương có cơ sở xác định lời trình bày của bà S01 là phù hợp.

Phía bị đơn cho rằng sổ hụi do bà DD tự lập, tự đánh dấu nên không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên, phía bị đơn không cung cấp sổ hụi 9A 2012- 2014 do bà DD lập, giao cho bà S01 để Tòa án xem xét đối chiếu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 9A 2015 quy định về nghĩa vụ chứng TM8 của đương sự "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng Vz bản và phải TTU thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng TM8 cho sự phản đối đó"; và quy định tại Khoản 4 Điều 91: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng TM8 mà không đưa ra chứng cứ hoặc không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã TTU thập được có trong hồ sơ vụ việc" Tòa án không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

2.6. Đối với Giấy xác nhận nợ tiền hụi của S01 đề ngày 10/10

Tại Giấy ký nhận chỉ đề ngày 10/10, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận Giấy xác nhận này được lập vào ngày 10/10/2013 âm lịch. Do đó, có cơ sở xác định Giấy xác nhận này được lập vào ngày 10/10/2013 âm lịch.

Phía bị đơn cho rằng Giấy xác nhận tiền ngày 10/10/2013 là bà DD đã tính tổng số tiền bà S01 phải đóng cho 15 dây hụi cho đến khi kết thúc dây hụi. Do đó, bà S01 chỉ nợ bà DD 426.350.000 đồng tiền hụi như đã tổng kết.

Phía bà DD trình bày, số tiền 426.350.000 đồng là số tiền bà S01 chưa đóng cho bà DD trong vòng từ ngày 30/6/2013 đến ngày 10/10/2013. Cuối dòng tính tiền ngày 30/9/2013 có dòng chữ "Số tiền chị Lê Ánh S01 nợ lại tiền hụi là 3 tháng"), sau đó cộng với số tiền hụi phải đóng vào ngày 05/10/2013 và ngày 10/10/2013. Vào ngày 10/10/2013 còn 15 dây hụi chưa kết thúc, trong đó có 05 dây kết thúc trễ nhất vào ngày 20/4/2014 còn lại đến 07 tháng phải đóng tiền hụi, 05 dây này bà S01 đều tham gia 05 phần mỗi dây. Số tiền hụi còn lại là rất lớn, bà S01 cho rằng tổng số tiền bà S01 phải đóng cho 15 dây hụi từ tháng 6/2013 cho đến khi kết thúc là 426.350.000 đồng là không phù hợp. Tại Giấy xác nhận này cũng tính rất rõ từng khoản tiền hụi bà S01 phải nộp vào từng ngày trong khoảng thời gian từ ngày 30/6/2013 đến ngày 10/10/2013, cụ thể: vào các ngày 30/6/2013; ngày 05/7/2013; ngày 10/7/2013; ngày 15/7/2013; ngày 20/7/2013; ngày 30/7/2013; ngày 05/8/2013; ngày 10/8/2013; ngày 20/8/2013; ngày 30/8/2013; ngày 05/9/2013/ ngày 10/9/2013; ngày 20/9/2013; ngày 30/9/2013; ngày 05/10/2013 và ngày 10/10/2013 với tổng số tiền bà S01 nợ bà DD là 426.350.000 đồng.

Xét thấy, tại giấy tính tiền nợ hụi ngày 10/10/2013, không có dòng nào thể hiện bà DD tính khoản tiền bà S01 phải nộp sau ngày 10/10/2013. Mặt khác, lời trình bày của bà DD đều được những người làm chứng là những hụi viên cùng tham gia dây hụi xác nhận. Đồng thời, căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp thể hiện tổng số tiền bà S01 phải đóng hụi của 15 dây hụi kể từ sau ngày 10/10/2013 đến khi kết thúc tất cả 15 dây hụi là 1.820.000.000 đồng, đây là số tiền rất lớn cho với số tiền mà bà S01 rằng số tiền bà S01 phải đóng từ ngày 30/6/2013 đến khi kết thúc 15 dây hụi chỉ là 426.350.000 đồng.

Từ các căn cứ trên có cơ sở chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bị đơn, xác định tại Giấy xác nhận ngày 10/10/2013 bà S01 ký xác nhận nợ bà DD 426.350.000 đồng là tiền nợ hụi tính từ ngày 30/6/2013 đến ngày 10/10/2013, đến nay bà S01 vẫn chưa T7 toán khoản tiền này cho bà DD.

2.7. Về số tiền nợ hụi của bà S01 đối với 15 dây hụi mà nguyên đơn khởi kiện

Các dây hụi lập ngày 10/10/2012 âm lịch, đóng hụi ngày 10/11/2013, hốt hụi vào ngày 10 hàng tháng.

(1) Dây 10.000.000 đồng (dây 1) với những hụi viên (người chơi hụi) là các ông, bà Lê Ánh S01 (chị Sx), Trần Chí VT , Lương Vĩ VV, HT Thị TOA (YY), Vương Thể Yv (TTC), Trần Thị Ánh TTA (H2X), Lưu Thị NTL(PP), Lâm Thị NC XTT , Lý Tuyết PP (cô Tz), Ngũ Thúy Lz , Trần HT Q12 GTT .

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 10/10/2012 của các ông, bà Lương Vĩ Vz , HT Thị Xxxx, Trần Thị Ánh Tj, Lâm Thị NC XTT , Lý Tuyết PP, Trần HT Q12GTT đều xác nhận bà S01 tham gia 02 phần hụi, bà S01 đã hốt hụi vào ngày 10/11/2012 và ngày 10/01/2013.

Có cơ sở xác định, từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 10/11/2013 bà S01 không đóng tiền hụi chết (đóng bằng số tiền hụi) 1 tháng, số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 10.000.000 đồng x 02 phần = 20.000.000 đồng.

(2) Dây hụi 10.000.000 đồng (dây 2) với những hụi viên là Nguyễn Thị Kim Tjj, Trần Chí VT , HT Thị TOA (Yij), Vương Thể Yv (TTC), Trần Thị Ánh TTA (H2X), Lưu Thị NTL(PP), Trần TKT (Trần QQS), Sử Xương T0 (NC), Trần Lương GH .

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 10/10/2012 của các ông, bà HT Thị Xxxx, Trần Thị Ánh Tj, Trần TKT, Sử Xương T0, Trần Lương HT1đều xác nhận bà S01 tham gia 02 phần hụi, bà S01 đã hốt hụi vào ngày 10/11/2012 và ngày 10/01/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 10/11/2013 bà S01 không đóng tiền hụi chết (đóng bằng số tiền hụi) 1 tháng, số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 10.000.000 đồng x 02 phần = 20.000.000 đồng.

(3) Dây hụi 5.000.000 đồng, với những hụi viên là các ông, bà Trần Chí VT , Trần HT Q12GTT , Huỳnh XT TTU , Nguyễn Thị CA , Lưu C91, Lưu Thị NTL(PP).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 10/10/2012 của các ông, bà Trần HT Q12GTT , Huỳnh XT TTU , Nguyễn Thị CA , Lưu C91, đều xác nhận bà S01 tham gia 02 phần hụi, bà S01 đã hốt hụi vào ngày 10/10/2012 và ngày 10/01/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 10/11/2013 bà S01 không đóng tiền hụi chết (đóng bằng số tiền hụi) 1 tháng, số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 5.000.000 đồng x 02 phần = 10.000.000 đồng.

Như vậy, đối với 03 dây hụi mở ngày 10/10/2012 bà S01 chưa đóng cho bà DD số tiền hụi chết là 50.000.000 đồng.

Các dây hụi lập ngày 30/11/2012 đóng hụi vào ngày 30/12/2013, hốt hụi vào ngày 30 hoặc ngày 29 (đối với những tháng không có ngày 30) hàng tháng.

(4) Dây hụi 10.000.000 đồng, với những hụi viên là các ông, bà Nguyễn Thị Kim Tjj, Trần TKT, HT Thị TOA (TOA Ỵij), Sử Xương KS , Trần Thị Mỹ DM , Trần Thị Ánh TTA (H2X).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 30/11/2012 của các ông, bà Trần TKT (Trần QQS), HT Thị TOA (TOA Ỵij), Sử Xương KS , Trần Thị Mỹ DM , Trần Thị Ánh TTA (H2X) đều xác nhận bà S01 tham gia 05 phần, bà S01 đã hốt hụi vào các ngày 30/11/2012, ngày 30/01/2013, ngày 29/02/2013, ngày 29/4/2013 và ngày 29/7/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 30/12/2013 bà S01 không đóng tiền hụi chết 3 tháng (vào các ngày 30/10/2013, ngày 30/11/2013 và 30/12/2013), số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 10.000.000 đồng x 05 phần x 3 tháng = 150.000.000 đồng.

(5) Dây hụi 5.000.000 đồng (dây 1), với những hụi viên là các ông, bà Lưu C91, Lê Thị GT (DĐP), Ngũ Thúy Lz , Đỗ Thị HT, Huỳnh Thị T7 TTH (LHT).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 30/11/2012 tất cả các hụi viên đều xác nhận bà S01 tham gia 05 phần hụi, bà S01 đã hốt hụi vào các ngày 30/11/2012, ngày 29/12/2012, ngày 30/01/2013, ngày 29/4/2013 và ngày 29/8/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 30/12/2013 bà S01 không đóng tiền hụi chết 3 tháng (vào các ngày 30/10/2013, ngày 30/11/2013 và 30/12/2013), số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 5.000.000 đồng x 05 phần x 3 tháng = 75.000.000 đồng.

(6) Dây hụi 5.000.000 đồng (dây 2), với những hụi viên là các ông, bà Lưu C91, Lê Thị GT (DĐP), Quan Cẩm Ỵij, Trần QS (Sảy Lũ), Phạm Thị TP (chị T7), Huỳnh Thị T7 TTH (LHT).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 30/11/2012 tất cả các hụi viên đều xác nhận bà S01 tham gia 05 phần hụi, bà S01 đã hốt hụi vào các ngày 30/11/2012, ngày 29/12/2012, ngày 30/01/2013, ngày 29/2/2013 và ngày 29/4/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 30/12/2013 bà S01 không đóng tiền hụi chết 3 tháng (vào các ngày 30/10/2013, ngày 30/11/2013 và 30/12/2013), số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 5.000.000 đồng x 05 phần x 3 tháng = 75.000.000 đồng.

(7) Dây hụi 2.000.000 đồng, với những hụi viên là các ông, bà Nguyễn Vz H7 , Phạm Thị TP (Dì T7), Dương Thị HDT (Chị D7), Nguyễn Thị Kim PN (Nguyễn Thị P7), Huỳnh XT TH(Chị TTU), Phạm Thị TP (Chị T7), Hồ Thị DD7 (6H).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 30/11/2012 tất cả các ông, bà này đều xác nhận bà S01 tham gia 05 phần hụi, bà S01 đã hốt hụi vào các ngày 29/12/2012, ngày 30/3/2013, ngày 30/7/2013, 30/8/2013 và ngày 29/9/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 30/12/2013 bà S01 không đóng tiền hụi chết 3 tháng (vào các ngày 30/10/2013,

ngày 30/11/2013 và 30/12/2013), số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 2.000.000 đồng x 05 phần x 3 tháng = 30.000.000 đồng.

Như vậy, đối với 04 dây hụi mở ngày 30/11/2012 bà S01 chưa đóng cho bà DD số tiền hụi chết là 330.000.000 đồng.

Các dây hụi mở ngày 05/02/2013, đóng hụi vào ngày 05/3/2014, hốt hụi vào ngày 05 hàng tháng.

(8) Dây hụi 10.000.000 đồng, với những hụi viên là các ông, bà Trần TKT (Trần QQS), Trần Thị Mỹ DTM (Xxxx), Trần Chí VT .

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 05/02/2013 các ông, bà Trần TKT, Trần Thị Mỹ DTM xác nhận bà S01 tham gia 05 phần hụi, bà S01 đã hốt hụi vào các ngày 05/02/2013 (hốt 03 phần), ngày 05/3/2013 và ngày 05/4/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 05/3/2014 bà S01 không đóng tiền hụi chết 5 tháng (vào các ngày 05/11/2013, ngày 05/12/2013, 05/01/2014, 05/02/2014 và 05/3/2014), số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 10.000.000 đồng x 05 phần x 5 tháng = 250.000.000 đồng.

(9) Dây hụi 5.000.000 đồng, với những hụi viên là các ông, bà Lưu C91, Nguyễn Thị AL7 , Trần Thị Mỹ DTM (Xxxx), Ngô TA7 , Lê Thị GT (DĐP), Trần Chí VT , Trần Lương GH , Trần Thị NTL (Trần Thị Tuyết NG7).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 05/02/2013 các ông, bà Lưu C91, Nguyễn Thị AL7 , Trần Thị Mỹ DTM (Xxxx), Ngô TA7 , Lê Thị GT (DĐP), Trần Lương GH , Trần Thị NTL (Trần Thị Tuyết NG7) đều xác nhận xác nhận bà S01 tham gia 05 phần hụi, bà S01 đã hốt hụi vào các ngày 05/02/2013, ngày 05/3/2013, ngày 05/4/2013, ngày 05/6/2013 và ngày 05/8/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 05/3/2014 bà S01 không đóng tiền hụi chết 5 tháng (vào các ngày 05/11/2013, ngày 05/12/2013, 05/01/2014, 05/02/2014 và 05/3/2014), số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 5.000.000 đồng x 05 phần x 5 tháng = 125.000.000 đồng.

(10) Dây hụi 2.000.000 đồng, với các hụi viên là Trần Nhân TTN1 (Lợi), Lâm Thị NC XTT , Huỳnh Thị T7 TTH (LHT), Đỗ Thị HT, Bùi Thị Tuyết M7 (Dì M7), Lương Vĩ VV.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 05/02/2013 tất cả những người này đều xác nhận bà S01 tham gia 05 phần hụi, bà S01 đã hốt hụi vào các ngày 05/4/2013, 05/6/2013, ngày 05/8/2013, ngày 05/9/2013 và ngày 05/10/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 05/3/2014 bà S01 không đóng tiền hụi chết 5 tháng (vào các ngày 05/11/2013, ngày 05/12/2013, 05/01/2014, 05/02/2014 và 05/3/2014), số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 2.000.000 đồng x 05 phần x 5 tháng = 50.000.000 đồng.

Như vậy, đối với 03 dây hụi mở ngày 05/2/2013 bà S01 chưa đóng cho bà DD số tiền hụi chết là 425.000.000 đồng.

Các dây hụi mở ngày 20/3/2013, đóng hụi vào ngày 20/4/2014, hốt hụi vào ngày 20 hàng tháng.

(11) Dây hụi 10.000.000 đồng (dây 1), với các hụi viên là các ông, bà Vương Thể Yv (TTC), Nguyễn Thị Kim Tjj, Trần Chí VT , Lưu Thị NTL(PP), Lương Vĩ VV, Trần QQS , Huỳnh Thị T7 TT8 .

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 20/3/2013 các ông, bà Lương Vĩ VV, Huỳnh Thị T7 TTH xác nhận bà S01 tham gia 05 phần hụi, bà S01 đã hốt hụi vào các ngày 20/3/2013 (hốt 02 phần), ngày 20/6/2013, ngày 20/8/2013 và ngày 20/9/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 20/4/2014 bà S01 không đóng tiền hụi chết 7 tháng (vào các ngày 20/10/2013, ngày 20/11/2013, ngày 20/12/2013, 20/01/2014, 20/02/2014, 20/3/2014 và 20/4/2014), số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 10.000.000 đồng x 05 phần x 7 tháng = 350.000.000 đồng.

(12) Dây hụi 10.000.000 đồng (dây 2), với các hụi viên là các ông, bà Đỗ XT PG (TTC), Trần Thị Kim Tjj, Nguyễn Thị CA , Trần Chí VT , Lưu Thị NTL(PP), Lương Vĩ VV, Trần TKT (Trần QQS), Huỳnh Thị T7 TT8 .

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 20/3/2013 các ông, bà Nguyễn Thị CA , Lương Vĩ VV, Trần TKT (Trần QQS), Huỳnh Thị T7 TTH đều xác nhận bà S01 tham gia 05 phần hụi, bà S01 đã hốt hụi vào các ngày 20/3/2013 (hốt 02 phần), ngày 20/6/2013, ngày 20/8/2013 và ngày 20/9/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 20/4/2014 bà S01 không đóng tiền hụi chết 7 tháng (vào các ngày 20/10/2013, ngày 20/11/2013, ngày 20/12/2013, 20/01/2014, 20/02/2014, 20/3/2014 và 20/4/2014), số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 10.000.000 đồng x 05 phần x 7 tháng = 350.000.000 đồng.

(13) Dây hụi 5.000.000 đồng, với các hụi viên là các ông, bà Lưu C91, Lê Thị GT (DĐP), Lưu Thị NTL(PP), Nguyễn Thị AL7 , Ngô TA7 , Trần Chí VT .

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 20/3/2013 các ông, bà Lưu C91, Lê Thị GT (DĐP), Nguyễn Thị AL7 , Ngô Thị A01 đều xác nhận bà S01 tham gia 05 phần hụi, bà S01 đã hốt hụi vào các ngày 20/3/2013 (hốt 02 phần), ngày 20/6/2013, ngày 20/8/2013 và ngày 20/9/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 20/4/2014 bà S01 không đóng tiền hụi chết 7 tháng (vào các ngày 20/10/2013, ngày 20/11/2013, ngày 20/12/2013, 20/01/2014, 20/02/2014, 20/3/2014 và 20/4/2014), số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 5.000.000 đồng x 05 phần x 7 tháng = 175.000.000 đồng.

(14) Dây hụi 2.000.000 đồng (dây 1), với những hụi viên là các ông, bà Lưu C91, Phạm Thị TP (Dì T7), Lâm Thục TM8 , Nguyễn Thị LN (THLớn), Bùi Thị Tuyết M7 (Dì M7), Lý Cẩm TC8 .

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 20/3/2013 tất cả đều xác nhận bà S01 tham gia 05 phần, bà S01 đã hốt hụi vào các ngày 20/3/2013 (hốt 02 phần), ngày 20/6/2013, ngày 20/8/2013 và ngày 20/9/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 20/4/2014 bà S01 không đóng tiền hụi chết 7 tháng (vào các ngày 20/10/2013, ngày 20/11/2013, ngày 20/12/2013, 20/01/2014, 20/02/2014, 20/3/2014 và 20/4/2014), số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 2.000.000 đồng x 05 phần x 7 tháng = 70.000.000 đồng.

(15) Dây hụi 2.000.000 đồng (dây 2), với những hụi viên là các ông, bà Lưu C91, Phạm Thị TP (Dì T7), Nguyễn Thị 9A (9A R), Lâm Thục TM8 , Nguyễn Thị LN (THLớn), Nguyễn Thị Kim L8 .

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S01 thừa nhận có tham gia dây hụi này. Căn cứ tập quán chơi hụi tại địa phương trên thực tế các hụi viên không ký tên xác nhận vào sổ hụi, sau khi hốt hụi phải đóng hụi chết cho đến khi kết thúc dây hụi, số tiền đóng hụi gần bằng với số tiền được hốt hụi với mục đích tương trợ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Căn cứ sổ hụi do bà DD cung cấp phù hợp với đơn trình bày về việc tham gia dây hụi lập ngày 20/3/2013 các ông, bà Lưu C91, Phạm Thị TP (Dì T7), Lâm Thục TM8 , Nguyễn Thị LN (TH Lớn), Nguyễn Thị Kim LNK đều xác nhận bà S01 tham gia 05 phần hụi, bà S01 đã hốt hụi vào các ngày 20/3/2013 (hốt 02 phần), ngày 20/6/2013, ngày 20/8/2013 và ngày 20/9/2013.

Có cơ sở xác định từ ngày 10/10/2013 đến ngày đóng hụi là ngày 20/4/2014 bà S01 không đóng tiền hụi chết 7 tháng (vào các ngày 20/10/2013, ngày 20/11/2013, ngày 20/12/2013, 20/01/2014, 20/02/2014, 20/3/2014 và 20/4/2014), số tiền bà S01 phải đóng cho dây này là 2.000.000 đồng x 05 phần x 7 tháng = 70.000.000 đồng.

Như vậy, đối với 05 dây hụi mở ngày 20/3/2013 bà S01 chưa đóng cho bà DD số tiền hụi chết là 1.015.000.000 đồng.

Như đã phân tích ở trên, từ sau ngày 10/10/2013 đến khi tất các các dây hụi kết thúc bà S01 còn phải đóng tiền hụi chết cho 15 dây hụi là 1.820.000.000 đồng. Số tiền hụi chết này bà DD (chủ hụi) đã đóng thay cho bà S01 để chi trả cho các hụi viên khác. Trong quá trình giải quyết vụ án, các hụi viên đều xác nhận đến kỳ mở hụi mà bà S01 không đóng hụi chết, chủ hụi là bà DD đều đã đóng thay

cho bà S01 nên những hụi viên đều đã được hốt hụi đầy đủ nên không có khiếu nại, tranh chấp với bà S01 là phù hợp.

Tại Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định về trách nhiệm của thành viên do không góp họ:

"1. Trong trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải T7 toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa T7 toán cho đến thời điểm kết thúc họ và bồi thường thiệt hại nếu có.

2. Trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả. Mức lãi do các bên thoả thuận, nếu không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả các phần họ".

Căn cứ quy định nêu trên, bà DD khởi kiện yêu cầu bà S01 phải trả lại số tiền này là có cơ sở chấp nhận. Theo giấy xác nhận nợ hụi ngày 10/10/2013 bà S01 còn nợ bà DD 426.350.000 đồng. Tổng cộng, bà S01 còn nợ bà DD số tiền là 2.246.350.000 đồng.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Ánh S01 và ông Lê Tấn T99, không có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận AAA.

Tòa án cấp phúc thẩm chỉ có thẩm quyền xem xét trong phạm vi kháng cáo của đương sự, kháng nghị của Viện kiệm sát. Những nội d7 của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc bà Lê Ánh S01 và ông Nguyễn Tấn T99 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị NC DD và ông Lâm Đức C91 số tiền 2.246.350.000 đồng nhưng chỉ tuyên buộc bà Lê Ánh S01 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là chưa phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần thiết phải sửa bán án sơ thẩm về việc án phí, tuyên buộc bà Lê Ánh S01, ông Nguyễn Tấn T99 có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Lê Ánh S01, ông Nguyễn Tấn T99 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 9A 2015;

Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 9A 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 651/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận AAA, Thành phố A về việc "Tranh chấp hụi".

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị NC DD.

1.1. Buộc bà Lê Ánh S01 và ông Nguyễn Tấn T99 T7 toán cho bà Trần Thị NC DD và ông Lâm Đức C91 số tiền 2.246.350.000 (hai tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm 9A mươi nghìn đồng) ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận AAA, Thành phố A cho đến khi thi hành xong bản án.

1.3. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2018/QĐ-BPBĐ ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận AAA, Thành phố A, bà Trần Thị NC DD được nhận lại toàn bộ số tiền trong thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 03862234 do Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 8 phát hành ngày 25/6/2018 NG7 y khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc trả tiền như bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền trả chậm theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 9A 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

2.1. Bà Trần Thị NC DD không phải chịu án phí. Số tiền tạm ứng án phí 38.463.500 (ba mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn 9A trăm đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 001813 ngày 19/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận AAA, Thành phố A được hoàn trả cho bà DD.

2.2. Bà Lê Ánh S01, ông Nguyễn Tấn T99 phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 76.927.000 (bảy mươi sáu triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Lê Ánh S01, ông Nguyễn Tấn T99 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà S01, ông thu mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã đóng theo Biên lai số AA/2018/0018736 ngày 07/12/2018 và Biên lai số AA/2018/0018735 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận AAA, Thành phố A.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND Tối cao;
-TAND Cấp cao tại TP .A
-VKSND Cấp cao tại TP .A
-VKSND TP .A;
-TAND Quận AAA;
- Chi cục THADS Quận AAA;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức T